

KẾ HOẠCH

Phòng, chống và loại trừ bệnh sốt rét giai đoạn 2024-2028 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm;
- Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 08/QĐ-BYT ngày 04/01/2017 của Bộ Y tế về phê duyệt lộ trình loại trừ sốt rét tại Việt Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 4718/QĐ-BYT ngày 11/11/2014 của Bộ Y tế về phê duyệt Kế hoạch hoạt động Ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2015-2017;
- Quyết định số 2699/QĐ-BYT ngày 26/9/2020 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh sốt rét;
- Quyết định số 4922/QĐ-BYT ngày 25/10/2021 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn Giám sát và phòng, chống bệnh sốt rét;
- Công văn số 2662/VSR-KHTH ngày 19/12/2018 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc hướng dẫn tiêu chí, hồ sơ xác nhận huyện, tỉnh loại trừ sốt rét;
- Công văn số 6475/BYT-DP ngày 09/10/2023 của Bộ Y tế về việc tăng cường công tác phòng, chống và loại trừ bệnh sốt rét;
- Công văn số 1198/VSR-DT ngày 12/10/2023 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc xây dựng lộ trình loại trừ sốt rét;

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai đồng bộ các hoạt động phòng chống, tập trung ưu tiên vào vùng sốt rét lưu hành và có nhiều đối tượng nguy cơ cao, nhanh chóng đẩy lùi bệnh sốt rét để đến năm 2028 công nhận loại trừ bệnh sốt rét quy mô cấp huyện, tiến tới năm 2030 sẽ loại trừ sốt rét trên phạm vi toàn tỉnh và củng cố các yếu tố bền vững nhằm ngăn chặn bệnh sốt rét quay trở lại.

2. Mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể đến năm 2028

a) Đảm bảo toàn bộ người dân được tiếp cận đầy đủ dịch vụ chẩn đoán, điều trị bệnh sốt rét kịp thời đối với cả cơ sở y tế công lập và tư nhân.

- 100% người nghi ngờ sốt rét đến khám bệnh được xét nghiệm chẩn đoán sốt rét trong vòng 2 giờ.

- 100% người nhiễm ký sinh trùng sốt rét được điều trị đúng theo phác đồ của Bộ Y tế.

b) Đảm bảo người dân trong vùng nguy cơ được bảo vệ bằng các biện pháp phòng chống véc tơ thích hợp

- Hàng năm, có trên 98% hộ gia đình ở vùng sốt rét lưu hành có đủ màn phòng chống muỗi (trung bình 1,8 người/màn đôi).

- Có trên 95% hộ gia đình trong vùng ổ bệnh đang hoạt động được phun hóa chất tồn lưu diệt muỗi.

- Hàng năm có trên 90% người có nguy cơ cao mắc sốt rét (đi rừng, ngủ rẫy) sử dụng biện pháp phòng chống sốt rét (nằm màn, văng màn tẩm hóa chất và các biện pháp bảo vệ cá nhân khác).

c) Nâng cao chất lượng hệ thống giám sát dịch tễ bệnh sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét.

- 100% trường hợp bệnh sốt rét được báo cáo đầy đủ đúng hạn theo hướng dẫn quốc gia.

- 100% trường hợp bệnh được điều tra và báo cáo đúng hạn theo hướng dẫn quốc gia.

- 100% ổ bệnh sốt rét được xử lý kịp thời trong vòng 7 ngày kể từ khi phát hiện ca bệnh đầu tiên.

d) Nâng cao kiến thức và hành vi của người dân để tự chủ động bảo vệ cá nhân trước bệnh sốt rét.

- Đạt trên 90% người sống trong vùng sốt rét lưu hành có ngủ màn đêm hôm trước ngày điều tra hàng năm.

- Duy trì trên 95% dân số vùng sốt rét lưu hành biết ít nhất 4 thông điệp chủ yếu về sốt rét, phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét (bệnh sốt rét do muỗi truyền, nằm màn và phun hóa chất để phòng chống sốt rét, khi bị sốt phải đến cơ sở y tế để khám chữa bệnh, uống thuốc đủ liều theo hướng dẫn của cán bộ y tế).

e) Quản lý, điều phối hiệu quả Chương trình phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét và thực hiện loại trừ sốt rét quy mô cấp tỉnh.

- Không còn ca bệnh sốt rét nội địa do *P.falciparum* tại địa phương vào năm 2025.

- 100% huyện, thị xã, thành phố được công nhận loại trừ bệnh sốt rét vào năm 2028 (lộ trình chi tiết: Phụ lục I kèm theo).

3. Chỉ tiêu cụ thể hàng năm

Tt	Chỉ số	ĐVT	2024	2025	2026	2027	2028
1	Tỷ lệ tử vong do sốt rét trên 100.000 dân	/100.000	0	0	0	0	0
2	Số bệnh nhân mắc sốt rét mới phát hiện hàng năm trên 100.000 dân	Người	8	7	7	6	6
3	Tỷ lệ ký sinh trùng sốt rét/1.000 dân	/1.000	0,08	0,07	0,066	0,064	0,63

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Chỉ đạo điều hành

- Tiếp tục triển khai kế hoạch hoạt động “Chiến lược quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến 2030” ban hành kèm theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, lộ trình loại trừ bệnh sốt rét trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến 2030 và Kế hoạch phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Y tế.

- Củng cố hệ thống chỉ đạo, tổ chức triển khai phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét hiện có từ tỉnh đến huyện, xã, đặc biệt là mạng lưới y tế cơ sở (thôn, xã). Gắn kết công tác phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét với chức năng chỉ đạo, quản lý, điều hành của từng cấp chính quyền.

- Cập nhật mới và triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng chống và loại trừ sốt rét trên địa bàn tỉnh. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát và đánh giá chương trình phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét.

- Các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục đẩy mạnh triển khai tổ chức có hiệu quả các hoạt động phòng, chống sốt rét và loại trừ sốt rét, đặc biệt ở các huyện trọng điểm, huyện có sốt rét lưu hành vừa và nặng. Ưu tiên, tăng cường đầu tư về công tác phòng chống sốt rét tại các huyện biên giới, huyện có tỷ lệ mắc sốt rét cao như Krông Pa, Ia Pa, Kbang và Kong Chro.

- Huy động Bệnh viện Quân Y 211, Bệnh viện Quân Y 15 và các cơ sở y tế tư nhân (Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai, Phòng khám Đa khoa Hoa Lư, Phòng khám Đa khoa Bình An, Phòng khám Đa khoa Sysmed Phù Đổng, Phòng Khám Đa khoa Tâm Phúc Chư Sê, Phòng Khám Đa khoa Chư Prông) tham gia vào công tác phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét, tăng cường hoạt động kiểm soát việc bán thuốc sốt rét tại các địa phương, cơ sở y tế tư nhân để hạn chế việc bán thuốc không đảm bảo chất lượng.

2. Truyền thông, giáo dục sức khỏe

- Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục sức khỏe trong giai đoạn phòng, chống và loại trừ sốt rét tới cộng đồng bằng nhiều hình thức đa dạng, để mọi người dân chủ động phòng chống bệnh sốt rét, đặc biệt truyền thông giáo dục sức khỏe trực tiếp cho đối tượng có nguy cơ cao mắc bệnh sốt rét tại vùng sốt rét

lưu hành.

- Xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe về phòng, chống và loại trừ sốt rét đến các cấp chính quyền, ban, ngành, đoàn thể, cộng đồng hiểu rõ hơn về chiến lược loại trừ sốt rét, tham gia chỉ đạo và triển khai các biện pháp phòng, chống và loại trừ sốt rét.

- Tổ chức mít tinh hưởng ứng Ngày Thế giới phòng chống sốt rét (25/4) nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng và phát động toàn dân tích cực tham gia hoạt động phòng, chống và loại trừ sốt rét. Đưa công tác truyền thông phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét vào trường học.

- Cung cấp tài liệu truyền thông phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét.

3. Chuyên môn kỹ thuật

a) Phòng chống muỗi truyền bệnh

- Sử dụng các hóa chất diệt muỗi truyền bệnh có hiệu lực cao (phun tồn lưu, tấm màn và sử dụng màn tẩm hóa chất tồn lưu dài). Áp dụng biện pháp đặc biệt để diệt muỗi tại các vùng sốt rét nặng có tỷ lệ mắc giảm chậm và không ổn định.

- Cung cấp màn, võng tẩm hóa chất diệt muỗi tồn lưu dài, kem xua muỗi cho dân vùng sốt rét lưu hành.

- Lồng ghép biện pháp phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét với phòng chống muỗi truyền các bệnh khác như sốt xuất huyết.

- Triển khai biện pháp phòng chống muỗi truyền bệnh chính là phun tồn lưu hóa chất ở các ổ bệnh khi được phát hiện để đảm bảo cắt đứt lan truyền sốt rét tại chỗ.

b) Nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, chẩn đoán và điều trị

- Nâng cao năng lực chẩn đoán và điều trị sốt rét tại bệnh viện và các cơ sở y tế. Phát hiện bệnh sớm, điều trị kịp thời, đúng phác đồ quy định, không để xảy ra ca bệnh tử vong do bệnh sốt rét.

- Duy trì hoạt động có hiệu quả các điểm kính hiển vi nhằm phát hiện bệnh sớm để điều trị sớm, đúng hướng dẫn theo chủng loại ký sinh trùng tại cơ sở. Phát hiện bệnh bằng test chẩn đoán nhanh (RDT) tại các cơ sở y tế, đặc biệt tại các xã trọng điểm sốt rét, các thôn/làng vùng sâu, vùng xa để có thể chủ động khống chế bệnh sốt rét.

- Đảm bảo cung cấp đầy đủ thuốc sốt rét theo phác đồ điều trị của Bộ Y tế, không để thiếu thuốc ở các cơ sở điều trị. Cấp thuốc tự điều trị (ACT) cho những người đi vào vùng có sốt rét lưu hành ở xa cơ sở y tế (ngoài tầm tiếp cận).

- Áp dụng các thuốc điều trị sốt rét mới; sàng lọc thiếu G6PD trước khi điều trị bệnh nhân nhiễm P.vivax.

- Quản lý và giám sát chặt chẽ bệnh nhân sốt rét, điều tra chủ động khi có trường hợp bệnh ngoại lai xuất hiện. Phát hiện bệnh sớm và điều trị kịp thời cho tất cả các bệnh nhân nghi ngờ mắc sốt rét. Tăng cường giám sát và quản lý

trường hợp bệnh tại bệnh viện, cộng đồng, giám sát hiệu quả điều trị bao gồm cả điều trị chống tái phát, không để có trường hợp sốt rét mới lan truyền tại địa phương.

4. Kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình

- Nâng cao năng lực hệ thống theo dõi giám sát, đánh giá từ tỉnh đến cơ sở. Cập nhật, triển khai quy trình và hướng dẫn theo dõi giám sát, đánh giá chương trình cho từng tuyến, tiếp tục tập huấn cho cán bộ làm công tác theo dõi giám sát, đánh giá chương trình ở tất cả các tuyến.

- Duy trì, cập nhật và nâng cấp hệ thống báo cáo bệnh truyền nhiễm - quản lý sốt rét quốc gia (eCDS-MMS) để thực hiện báo cáo từ tuyến xã đến trung ương, đảm bảo báo cáo ca bệnh trong vòng 48 giờ. Cập nhật bản đồ ca bệnh hàng năm dựa trên số liệu sẵn có trên hệ thống eCDS-MMS và phân vùng dịch tễ 5 năm.

- Hàng năm và kết thúc giai đoạn 5 năm, tổ chức tổng kết đánh giá hiệu quả chương trình, rút ra bài học kinh nghiệm kết hợp công tác thi đua khen thưởng và xây dựng mục tiêu, kế hoạch hoạt động cho những năm tiếp theo.

5. Nghiên cứu khoa học

Ứng dụng các thành tựu và kết quả nghiên cứu khoa học của các Viện đầu ngành đồng thời chủ động tiến hành các nghiên cứu đưa ra các giải pháp phòng, chống sốt rét thích hợp cho các đối tượng mắc sốt rét chủ yếu tại địa phương nhằm đạt mục tiêu loại trừ sốt rét tại tỉnh vào năm 2030.

6. Giải pháp về nguồn lực và đầu tư

- Tăng cường đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực làm công tác phòng, chống và loại trừ bệnh sốt rét, chú trọng vào đội ngũ cán bộ chuyên trách tuyến cơ sở (xã, thôn).

- Củng cố và phát triển mạng lưới phòng chống sốt rét trên địa bàn toàn tỉnh, duy trì hoạt động ổn định theo 3 cấp (tỉnh, huyện, xã), phân công, gắn trách nhiệm của các cán bộ đầu mối để tiếp nhận và triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống sốt rét tại địa phương. Khuyến khích sự tham gia của đội ngũ cộng tác viên trong cộng đồng để hỗ trợ công tác phát hiện, tuyên truyền, vận động người dân tham gia phòng chống và loại trừ sốt rét.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo đầu tư thích hợp về kinh phí, nhân lực, vật lực và tăng cường về tổ chức bộ máy cho công tác phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét giai đoạn 2024 - 2030.

- Tiếp tục đầu tư kinh phí cho công tác phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét theo phân cấp của Luật Ngân sách Nhà nước, phù hợp với khả năng và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ quốc tế cho công tác phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét thông qua việc xây dựng các chương trình hành động, dự án phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét theo từng giai đoạn, các chương trình hợp

tác nghiên cứu, đào tạo với Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, khu vực.

- Mở rộng hợp tác quốc tế về phòng, chống và loại trừ bệnh sốt rét giữa tỉnh Gia Lai với tỉnh Ratanakiri - Campuchia; tăng cường tìm kiếm hợp tác quốc tế để trao đổi, học tập kinh nghiệm cũng như hỗ trợ kinh phí cho công tác này.

7. Các giải pháp về xã hội hóa

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, tổ chức phối hợp liên ngành và các tổ chức đoàn thể, cộng đồng tại địa phương tích cực hợp tác với ngành Y tế triển khai biện pháp phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét.

- Huy động, sự tham gia của các Sở, ban ngành, đoàn thể, cộng đồng, hệ thống y tế tư nhân và nhân dân vào hoạt động phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét đặc biệt tại các vùng trọng điểm về bệnh sốt rét: ngủ màn thường xuyên, đến cơ sở y tế khám bệnh khi bị sốt, vệ sinh môi trường...

- Vận động và áp dụng các biện pháp khuyến khích phù hợp, tạo điều kiện để y tế tư nhân tham gia phát hiện và điều trị bệnh sốt rét tại cộng đồng (cấp test chẩn đoán nhanh, cấp thuốc sốt rét cho y tế tư nhân để xét nghiệm và điều trị miễn phí cho bệnh nhân sốt rét, đồng thời truyền thông cho cộng đồng về việc này và yêu cầu y tế tư nhân báo cáo hàng tháng về sốt rét...).

- Thông tin, hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh sốt rét cho người lao động.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí lồng ghép trong Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, chương trình, dự án khác.

- Các nguồn kinh phí huy động hợp tác khác (nếu có).

- Hàng năm căn cứ các nội dung của kế hoạch, Sở Y tế lập dự toán kinh phí thực hiện trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

(Dự toán kinh phí theo Phụ lục II kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo việc triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch này cho Bộ Y tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất giải pháp huy động nguồn lực và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kinh phí hàng năm cho hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét; quản lý, sử dụng và lồng ghép các nguồn kinh phí đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định hiện hành.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai các nội dung Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết các hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét hàng năm, giai đoạn; đề xuất khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo và hướng dẫn công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở về phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét, đặc biệt là vùng sốt rét lưu hành, nhóm đối tượng có nguy cơ mắc sốt rét.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan có liên quan đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục, nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động, học sinh, học viên về phòng, chống và loại trừ bệnh sốt rét

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính và các ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực đầu tư cho công tác phòng chống và loại trừ sốt rét.

- Phối hợp với Sở Tài chính bố trí nguồn lực đầu tư cho ngành Y tế và các đơn vị liên quan thực hiện Kế hoạch.

5. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Y tế cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp y tế hàng năm để thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh, phù hợp khả năng ngân sách và đúng quy định hiện hành.

6. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch trong lực lượng vũ trang theo đặc thù của ngành; phối hợp quân dân y trong hoạt động phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét tại nơi đóng quân.

7. Các sở, ngành, cơ quan khác liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Y tế triển khai thực hiện Kế hoạch này; lồng ghép việc triển khai thông qua các hoạt động thường xuyên của các sở, ngành.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn quản lý.

- Chỉ đạo, xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống và loại trừ bệnh sốt rét giai đoạn 2024 - 2028 tại địa phương.

- Chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, nội dung của Kế hoạch trên địa bàn quản lý; xây dựng các mục tiêu phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bố trí ngân sách đầu tư cho chương trình phòng, chống và loại trừ bệnh sốt rét.

- Các huyện, thị xã, thành phố thuộc vùng có bệnh sốt rét lưu hành nhẹ, vừa và nặng tập trung chỉ đạo triển khai các biện pháp can thiệp mạnh duy trì không để xảy ra trường hợp tử vong do sốt rét, giảm mắc và không để dịch bệnh sốt rét xảy ra.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp, tham gia tổ chức triển khai, lồng ghép nguồn lực nhằm tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của Nhân dân về phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ nội dung, nhiệm vụ theo Kế hoạch, các đơn vị, địa phương triển khai đạt hiệu quả công tác phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét giai đoạn 2024 - 2028 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Giao Sở Y tế hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện. Định kỳ 06 tháng, hàng năm tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; báo cáo Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./. *Nv*

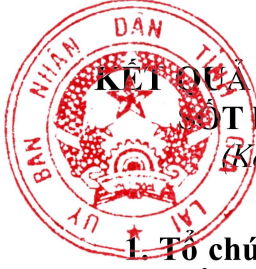
Nơi nhận:

- Bộ Y tế (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Y tế (theo dõi, tham mưu);
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



llllh
Nguyễn Thị Thanh Lịch



PHỤ LỤC

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG VÀ LOẠI TRỪ BỆNH SỐT RÉT GIAI ĐOẠN 2018 - 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Kế hoạch số²⁴⁵ /KH-UBND ngày³⁰ tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh)

1. Tổ chức, mạng lưới: Mạng lưới phòng, chống sốt rét được duy trì hoạt động theo 3 cấp (*tỉnh, huyện và xã*), mỗi cấp đều phân công cán bộ đầu mối để tiếp nhận và triển khai thực hiện các hoạt động phòng chống sốt rét tại địa phương. 100% xã, phường, thị trấn triển khai công tác phòng chống sốt rét. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai là đơn vị chuyên môn tuyến tỉnh, làm đầu mối tiếp nhận và triển khai các hoạt động phòng chống bệnh sốt rét.

2. Công tác dự phòng, giám sát, hỗ trợ chuyên môn

- Hàng năm, tổ chức chiến dịch phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét bằng các biện pháp: phun hóa chất, tẩm màn vào các thời điểm trước đỉnh. Giai đoạn 2018 - 2023, cấp 536.370 chiếc màn đôi cho người dân sống trong vùng sốt rét lưu hành; 83.670 chiếc võng màn tẩm hóa chất cho người dân đi rừng, ngủ rẫy ở các vùng trọng điểm sốt rét. Mỗi năm, có từ 200.000 - 300.000 người dân sống trong vùng sốt rét lưu hành được bảo vệ bằng hóa chất diệt muỗi và hàng nghìn bệnh nhân được cấp thuốc điều trị sốt rét miễn phí.

- 100% ca bệnh sốt rét được điều tra, xác định ca mắc sốt rét bằng xét nghiệm chẩn đoán lam máu nhuộm giemsa; xét nghiệm chẩn đoán nhanh phát hiện kháng nguyên và xử lý, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

- Tổ chức 604 đợt khám phát hiện chủ động cho 11.089 lượt người tại cộng đồng kết hợp điều tra côn trùng tại các xã trọng điểm sốt rét. Thường xuyên chỉ đạo, giám sát chặt chẽ tình hình dịch tễ sốt rét trên địa bàn tỉnh; giám sát việc chẩn đoán phát hiện sớm các trường hợp mắc sốt rét và điều trị bằng thuốc sốt rét phối hợp theo phác đồ của Bộ Y tế.

3. Công tác đào tạo, tập huấn

Giai đoạn 2018 - 2023, cử 30 lượt cán bộ tuyến tỉnh và huyện tham dự tập huấn về công tác phòng chống bệnh sốt rét do Trung ương tổ chức; tại tỉnh Gia Lai tổ chức được 66 lớp tập huấn cho 1.552 lượt cán bộ chuyên trách 162/220 xã, phường, thị trấn về kỹ thuật chẩn đoán, điều trị bệnh sốt rét và hướng dẫn thực hiện quy trình, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu đạt các tiêu chí loại trừ bệnh sốt rét quy mô tuyến huyện.

4. Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe

Truyền thông về phòng, chống bệnh sốt rét được ưu tiên triển khai thực hiện hàng năm với nhiều hình thức phong phú. Thường xuyên đưa tin phản ánh về hoạt động phòng chống sốt rét trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; đăng tin, bài tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử của ngành Y tế, Báo Gia Lai..., lồng ghép tổ chức các buổi truyền thông trực tiếp tại các xã, thôn ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn nhằm nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là người dân sống thường xuyên đi rừng, ngủ rẫy về bệnh sốt rét và các biện pháp

phòng chống sốt rét để người dân chủ động tiếp cận sử dụng dịch vụ khám phát hiện, chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh sốt rét.

5. Kết quả thực hiện các chỉ số phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét

a) Kết quả thực hiện một số mục tiêu, chỉ tiêu

Tt	Chỉ số	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
1	Tỷ lệ tử vong sốt rét/100.000 dân	/100.000	0	0	0	0	0
2	Số bệnh nhân sốt rét ác tính	Người	2	0	0	0	0
3	Số bệnh nhân sốt rét	Người	1.766	586	197	196	11
4	Tỷ lệ mắc sốt rét/1.000 dân	/1.000	1,09	0,36	0,12	0,12	0,0068
5	Số người có ký sinh trùng sốt rét	Người	1.637	586	197	196	11
6	Số ký sinh trùng nội địa	Ký sinh trùng	1.677	572	196	195	10
7	Ký sinh trùng <i>P.falciparum</i>	Ký sinh trùng	1.296	475	134	191	7
8	Tỷ lệ ký sinh trùng sốt rét/1.000 dân	/1.000	1,01	0,36	0,12	0,12	0,0068
9	Số vụ dịch sốt rét	Vụ dịch	0	0	0	0	0

b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét đến năm 2023

Tt	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2023	Kết quả thực hiện	Đánh giá
1	Giảm tỷ lệ mắc sốt rét/1.000 dân số chung	0,55	0,0068	↓98,78%
2	Không chế tử vong sốt rét/100.000 dân số chung	0,07	00	↓100%

c) Kết quả phân vùng dịch tễ bệnh sốt rét tỉnh Gia Lai năm 2023

TT	Tên vùng	Số xã	Dân số	Tỷ lệ %
1	Vùng nguy cơ sốt rét quay trở lại	58	492,982	32,5
2	Vùng sốt rét lưu hành nhẹ	102	673,330	44,4
3	Vùng sốt rét lưu hành vừa	23	126,189	8,3
4	Vùng sốt rét lưu hành nặng	37	223,858	14,7
	Tổng cộng	220	1.516,359	

d) Kết quả hoạt động loại trừ bệnh sốt rét giai đoạn 2019- 2023

- Trong giai đoạn 2019-2023, hoạt động phòng, chống và loại trừ bệnh Sốt rét của tỉnh đã đạt được những kết quả đáng kể trong việc thực hiện các mục tiêu giảm chết, giảm mắc và không chế không để dịch Sốt rét xảy ra trên địa bàn. Tỷ lệ bệnh

nhân mắc Sốt rét và KSTSR giảm ổn định (năm 2019, tỷ lệ mắc sốt rét 1,09/1.000 dân số chung; năm 2023, tỷ lệ mắc sốt rét 0,0068/1.000 dân số chung); Số trường hợp mắc Sốt rét năm 2023 (11 ca) giảm 99,4 % so với năm 2019 (1.766 ca). Đặc biệt trong giai đoạn từ năm 2019-2023 không ghi nhận trường hợp tử vong do Sốt rét trên địa bàn tỉnh.

- Công tác phòng, chống và loại trừ Sốt rét giai đoạn 2019-2023 đã được triển khai tích cực, đảm bảo đạt được các chỉ tiêu chuyên môn hàng năm. Trong đó tỷ lệ mắc Sốt rét/1.000 dân liên tục giảm, tỷ lệ chết do Sốt rét/100.000 dân duy trì ở mức 0, đạt so với mục tiêu chung của giai đoạn 2019-2020 theo Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020; giai đoạn 2021-2023 triển khai thực hiện chương trình mục tiêu Y tế - Dân số từ nguồn kinh phí của địa phương.

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch hoạt động phòng, chống Sốt rét ở các tuyến theo từng năm. Thường xuyên chỉ đạo, giám sát chặt chẽ tình hình dịch tễ Sốt rét trên địa bàn tỉnh, giám sát việc chẩn đoán phát hiện sớm các trường hợp mắc Sốt rét và điều trị bằng thuốc Sốt rét phối hợp theo phác đồ của Bộ Y tế.

- 100% ca bệnh Sốt rét được điều tra, xác minh; Chủ động thực hiện các đợt khám phát hiện ca bệnh tại cộng đồng, kết hợp với điều tra côn trùng tại các vùng nguy cơ cao.

- Tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe phòng, chống Sốt rét trên các phương tiện thông tin đại chúng; Tuyên truyền hưởng ứng Ngày thế giới phòng, chống Sốt rét 25/4 tại các huyện trong tỉnh. Năm 2023, tổ chức quy mô cấp huyện tại huyện Krông Pa nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng và phát động toàn dân tích cực tham gia phòng, chống bệnh Sốt rét.

- Tiếp nhận và triển khai có hiệu quả các Dự án đầu tư cho công tác phòng, chống Sốt rét tại địa phương.

- Trong năm 2023, toàn tỉnh có 17/17 huyện trong vùng dịch tễ sốt rét lưu hành trong giai đoạn loại trừ bệnh sốt rét (gồm: Thành phố Pleiku; Thị xã An Khê; Thị xã Ayun Pa; huyện Krông Pa; huyện Phú Thiện, huyện Ia Pa; huyện Chư Sê; huyện Chư Puh; huyện Chư Prong; huyện Đức Cơ; huyện Ia Grai; huyện Chư Păh; huyện Đăk Đoa; huyện Mang Yang; huyện Đăk Pơ; huyện Kông Chro; huyện Kbang).

6. Công tác cung ứng thuốc, vật tư, trang thiết bị

- Cung ứng đầy đủ và hoàn toàn miễn phí thuốc điều trị bệnh sốt rét được Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương cấp. Nguồn thuốc đảm bảo để sử dụng điều trị các trường hợp nghi ngờ mắc sốt rét tại tuyến cơ sở và cấp thuốc tự điều trị, hạn chế sốt rét nặng và sốt rét ác tính.

- Dự án Quỹ Toàn cầu phòng chống sốt rét, Dự án RAI2E, Dự án RAI3E, Chương trình phòng chống sốt rét quốc gia tài trợ thuốc, hóa chất, vật tư phục vụ cho công tác xét nghiệm lam máu nhuộm giemsa, xét nghiệm chẩn đoán nhanh phát hiện kháng nguyên (test chẩn đoán nhanh sốt rét) tại tuyến cơ sở.

II. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số bị cắt giảm; nguồn kinh phí địa phương còn hạn hẹp, phân bổ chậm nên khó khăn trong việc triển khai các hoạt động giám sát, điều tra ca bệnh tại các điểm nóng thuộc vùng sốt rét nặng và khu vực biên giới, dân cư biến động lớn phải lồng ghép vào các chương trình, hoạt động khác gây ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả.

2. Có sự giao lưu của người dân qua khu vực biên giới với Campuchia, nơi có sốt rét lưu hành cao và có ký sinh trùng kháng thuốc, muỗi kháng hóa chất, đây là một trong những yếu tố làm tăng nguy cơ về dịch, sự lan rộng và kéo dài của bệnh sốt rét. Bên cạnh đó, nhóm đối tượng tham gia bảo vệ rừng, người nghèo, dân tộc thiểu số thường xuyên đi rừng, ngủ rẫy chủ yếu sống ở vùng sốt rét lưu hành (vùng sâu, vùng xa, biên giới) khó khăn trong công tác phòng chống bệnh sốt rét và tiến tới loại trừ bệnh sốt rét trên địa bàn tỉnh.

3. Xuất hiện ký sinh trùng *P.falciparum* kháng thuốc Artemisinin, đã dẫn xuất tại một số tỉnh lân cận như Đắk Lắk và có nguy cơ lan rộng./.



PHỤ LỤC I
LỘ TRÌNH PHÒNG CHỐNG VÀ LOẠI TRỪ BỆNH SỐT RÉT
GIẢI ĐOẠN 2024 - 2028 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Kèm theo Kế hoạch số 245 /KH-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024
của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Huyện/thành phố	Lộ trình loại trừ bệnh sốt rét giai đoạn 2024 - 2028				
		(1 = Giai đoạn phòng chống sốt rét; 2 = Giai đoạn loại trừ sốt rét; 3 = Giai đoạn đề phòng sốt rét quay trở lại)				
		2024	2025	2026	2027	2028
1	<i>Chư Puh</i>	2	3	3	3	3
2	<i>Ia Grai</i>	2	3	3	3	3
3	<i>Pleiku</i>	2	3	3	3	3
4	<i>An Khê</i>	2	3	3	3	3
5	<i>Đắk Pơ</i>	2	3	3	3	3
6	<i>Mang Yang</i>	2	3	3	3	3
7	<i>Đức Cơ</i>	1	2	3	3	3
8	<i>Phú Thiện</i>	1	2	3	3	3
9	<i>Ia Pa</i>	1	2	3	3	3
10	<i>Chư Prông</i>	1	1	2	3	3
11	<i>Chư Păh</i>	1	1	2	3	3
12	<i>Chư Sê</i>	1	1	2	3	3
13	<i>Ayun Pa</i>	1	1	2	3	3
14	<i>Đắk Đoa</i>	1	1	1	2	3
15	<i>Kong Chro</i>	1	1	1	2	3
16	<i>Kbang</i>	1	1	1	1	2
17	<i>Krông Pa</i>	1	1	1	1	2



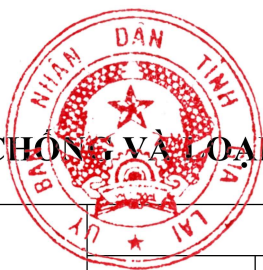
PHỤ LỤC II
BỘ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG CHỐNG VÀ LOẠI TRỪ BỆNH SỐT RÉT
GIAI ĐOẠN 2024 – 2028 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

Kèm theo Kế hoạch số 245 /KH-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Mục tiêu/ Nội dung hoạt động/ Thuyết minh định mức chi tiết	Tổng cộng (ĐVT: ngàn đồng)	Năm					Căn cứ xây dựng dự toán
			2024	2025	2026	2027	2028	
A	B	1=2+3+ 4+5+6	2	3	4	5	6	C
	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							
I	Mục tiêu 1: Quản lý điều hành chương trình phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét quốc gia.							Hỗ trợ phụ cấp công tác phí theo Thông tư 40/2017/TT- BTC ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính
1.1	Tập huấn chuyên môn cho CBYT tuyến huyện, xã.	203.195	63.076	21.370	23.507	25.858	69.384	
1.2	Kiểm tra, Giám sát công tác PCSR 1 đoàn giám sát: 3 cán bộ x 5 ngày x 4 đợt	113.555	18.600	20.460	22.506	24.757	27.232	
1.3	Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát KH loại trừ sốt rét.	64.200	23.400	9.600	15.600	7.800	7.800	

STT	Mục tiêu/ Nội dung hoạt động/ Thuyết minh định mức chi tiết	Tổng cộng (ĐVT: ngàn đồng)	Năm					Căn cứ xây dựng dự toán
			2024	2025	2026	2027	2028	
A	B	1=2+3+ 4+5+6	2	3	4	5	6	C
1.4	Giám sát và đánh giá chương trình, tổng kết	96.990	31.860	17.490	22.320	12.660	12.660	
II	Mục tiêu 2: Nâng cao chất lượng hệ thống giám sát dịch tễ bệnh sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét							Hỗ trợ phụ cấp công tác phí theo Thông tư 40/2017/TT- BTC ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính
2.1	Giám sát Điểm biến động (ca bệnh, ổ bệnh): 3 cán bộ x 5 ngày x 4 đợt	125.276	20.520	22.572	24.829	27.312	30.043	
2.2	Giám sát trọng điểm (nhà rẫy): 1 đoàn giám sát: 3 cán bộ x 5 ngày x 6 đợt	357.149	58.500	64.350	70.785	77.864	85.650	
2.3	Huyện giám sát xã	672.561	110.000	121.000	133.100	146.410	161.051	
2.4	Mua thuốc thông thường giám sát điểm biến động sốt rét	8.546	8.546					
III	Mục tiêu 3. Nâng cao kiến thức và hành vi của người dân để tự chủ	518.934	85.000	93.500	102.850	113.135	124.449	
3.1	Công tác truyền thông phòng chống sốt rét tuyến huyện 24/5 hằng năm	518.934	85.000	93.500	102.850	113.135	124.449	

STT	Mục tiêu/ Nội dung hoạt động/ Thuyết minh định mức chi tiết	Tổng cộng (ĐVT: ngàn đồng)	Năm					Căn cứ xây dựng dự toán
			2024	2025	2026	2027	2028	
A	B	1=2+3+ 4+5+6	2	3	4	5	6	C
IV	Mục tiêu 4. Đảm bảo người dân trong vùng nguy cơ được bảo vệ bằng các biện pháp phòng chống véc tơ thích hợp							Nghị Quyết số 57/2023/NQ-HĐND, ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh về các mức chi đặc thù
4.1	Hỗ trợ công phun, tẩm	494.184	153.105	132.042	95.757	67.083	46.197	
4.2	Giám sát phun tồn lưu nhà rẫy, nhà ở	142.500	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500	
4.3	Dự trữ mua 220 lít hóa chất phòng chống Sốt Rét (Fedona 10SC) * 1.600.000/lít	1.184.000	352.000	320.000	240.000	160.000	112.000	Theo Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Gia Lai
Tổng cộng kinh phí		3.981.090						



BẢNG DIỄN GIẢI CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ
PHÒNG CHỐNG VÀ LOẠI TRỪ BỆNH SỐT RÉT GIAI ĐOẠN 2024 – 2028 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

STT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Năm 2024			Năm 2025		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028	
			Số lượng	Định mức	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)
Mục tiêu 1: Quản lý điều hành chương trình phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét quốc gia.													
I	Tập huấn chuyên môn cho CBYT tuyệt huyện, xã:				63.076		21.370		23.507		25.858		69.384
1.1	Hội trường (500.000đ/1 lớp)	Lớp	17	500	8.500	3	1.500	3	1.650	3	1.815	17	9.350
1.2	Giảng viên 1 triệu/ngày x 1 ngày/lớp (Giảng viên 1 người)	Người	1	1.000	17.000	1	3.000	1	3.300	1	3.630	1	18.700
1.3	Phục vụ 150.000 đồng/ngày x 1 ngày/lớp (phục vụ 1 người)	Người	1	150	2.550	1	450	1	495	1	545	1	2.805

STT	Nội dung hoạt động	Năm 2024				Năm 2025		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028	
		Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)
1.4	Tài liệu + văn phòng phẩm 20 ngàn/1 bộ phục vụ hội nghị x 460 người	Tập vở, tài liệu, viết.	440	20	8.800	80	4.800	80	5.280	80	5.808	440	9.680
1.5	Giải khát: 40 ngàn/người/ngày x 1 ngày x 460 người	Người	474	40	18.960	86	10.320	86	11.352	86	12.487	474	20.856
1.6	Công tác phí đoàn ngày cho giảng viên, phục vụ tỉnh 25 ngày x 1 người x 17 lớp x 150.000đ/ngày	Người	1	150	3.750	1	450	1	495	1	545	1	4.125

STT	Nội dung hoạt động	Năm 2024				Năm 2025		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028	
		Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)
1.7	Tiền thuê phòng ngủ giảng viên, phục vụ tính 1 người x 8 đêm x 17 lớp x 150.000đ/đêm	Người	1	150	1.200	1	450	1	495	1	545	1	1.320
1.8	Xăng xe dự kiến 1 cán bộ/đợt x 17 lớp x 2316km x 1.000 đồng/km	Km	1	1	2.316	400	400	400	440	400	484	1	2.548
II	Kiểm tra, Giám sát công tác PCSR 1 đoàn giám sát: 3 cán bộ x 5 ngày x 4 đợt	Đợt	4		18.600	4	20.460	4	22.506	4	24.757	4	27.232
2.1	Phụ cấp 3 cán bộ x 5 ngày giám sát x 4 đợt	Người	3	150	9.000		9.900		10.890		11.979		13.177

STT	Nội dung hoạt động	Năm 2024				Năm 2025		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028	
		Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)
2.2	Tiền thuê phòng ngủ 3 cán bộ x 4 đêm x 4 đợt	Người	3	150	7.200		7.920		8.712		9.583		10.542
2.3	Xăng xe dự kiến 3 cán bộ x 200km/đợt x 4 đợt	Km	200	1	2.400		2.640		2.904		3.194		3.514
III	Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát KH loại trừ sốt rét.		6 huyện		23.400	3 huyện	9.600	4 huyện	15.600	2 huyện	7.800	2 huyện	7.800
3.1	Phụ cấp 3 cán bộ x 2 ngày giám sát x 12 đợt	Người	3	150	10.800	3	5.400	3	7.200	3	3.600	3	3.600
3.2	Tiền thuê phòng ngủ 3 cán bộ x 1 đêm x 12 đợt	Người	3	150	5.400	3	1.800	3	3.600	3	1.800	3	1.800

STT	Nội dung hoạt động	Năm 2024				Năm 2025		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028	
		Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)
3.3	Xăng xe dự kiến 3 cán bộ x 200km/đợt x 12 đợt	Km	200	1	7.200	200	2.400	200	4.800	200	2.400	200	2.400
IV	Giám sát và đánh giá chương trình, tổng kết				31.860		17.490		22.320		12.660		12.660
4.1	Hội trường (500.000đ/1 hội nghị)	Hội nghị	6	500	3.000	3	1.500	4	2.000	2	1.000	2	1.000
4.2	Báo cáo viên 1 triệu/ngày x 1 ngày/ hội nghị (Báo cáo viên 1 người)	Người	1	1.000	6.000	1	3.000	1	4.000	1	2.000	1	2.000
4.3	Phục vụ 150,000 đồng/ngày x 1 ngày/hội nghị (phục vụ 1 người)	Người	1	150	900	1	450	1	600	1	300	1	300

STT	Nội dung hoạt động	Năm 2024				Năm 2025		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028	
		Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)
4.4	Tài liệu + văn phòng phẩm 20 ngàn/ 1 bộ phục vụ hội nghị x 474 người	Tập vở, tài liệu, viết.	166	20	3.320	84	1.680	112	2.240	56	1.120	56	1.120
4.5	Giải khát: 40 ngàn/người/ ngày x 1 ngày x 474 người	Người	166	40	6.640	84	3.360	112	4.480	56	2.240	56	2.240
4.6	Phụ cấp ngày cho đoàn giám sát, tham gia hội nghị 25 ngày x 10 người x 150.000đ/ngày	Người	10	150	9.000	10	4.500	10	6.000	10	3.000	10	3.000
4.7	Xăng xe dự kiến 10 cán bộ/đợt x 300 km x 1.000 đồng/km	Km	10	1	3.000	10	3.000	10	3.000	10	3.000	10	3.000

STT	Nội dung hoạt động	Năm 2024				Năm 2025		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028	
		Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)
Mục tiêu 2: Nâng cao chất lượng hệ thống giám sát dịch tễ bệnsốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét													
I	Giám sát Điểm biến động (ca bệnh, ổ bệnh): 3 cán bộ x 5 ngày x 4 đợt	Đợt	4		20.520	4	22.572	4	24.829	4	27.312	4	30.043
1.1	Phụ cấp 3 cán bộ x 5 ngày giám sát x 4 đợt	Người	3	150	9.000	3	9.900	3	10.890	3	11.979	3	13.177
1.2	Tiền thuê phòng ngủ 3 cán bộ x 4 đêm x 4 đợt	Người	3	150	7.200	3	7.920	3	8.712	3	9.583	3	10.542
1.3	Xăng xe dự kiến 3 cán bộ/đợt x 4đợt x 360km x 1000đồng/km	Km	360	1	4.320	360	4.752	360	5.227	360	5.750	360	6.325

STT	Nội dung hoạt động	Năm 2024				Năm 2025		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028	
		Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)
II	Giám sát trọng điểm (nhà rẫy): 1 đoàn giám sát: 3 cán bộ x 5 ngày x 6 đợt				58.500		64.350		70.785		77.864		85.650
2.1	Phụ cấp 3 cán bộ x 5 ngày giám sát x 6 đợt	Người	3	150	13.500	3	14.850	3	16.335	3	17.969	3	19.765
2.2	Tiền thuê phòng ngủ 3 cán bộ x 4 đêm x 6 đợt	Người	3	150	10.800	3	11.880	3	13.068	3	14.375	3	15.812
2.3	Thuê xe vào nhà rẫy: 3xe 300.000đ/ngày x 5 ngày/đợt x 6 đợt	Km	3	300	27.000	3	29.700	3	32.670	3	35.937	3	39.531

STT	Nội dung hoạt động	Năm 2024				Năm 2025		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028	
		Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)
Mục tiêu 3. Nâng cao kiến thức và hành vi của người dân để tự chủ													
I	Công tác truyền thông phòng chống sốt rét tuyến huyện 24/5 hằng năm	Cái	85		85.000	85	93.500	85	102.850	85	113.135	85	124.449
	Mục tiêu 4. Đảm bảo người dân trong vùng nguy cơ được bảo vệ bằng các biện pháp phòng chống véc tơ thích hợp												
I	Hỗ trợ công phun, tắm				153.105		132.042		95.757		67.083		46.197

STT	Nội dung hoạt động	Năm 2024				Năm 2025		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028	
		Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)
1.1	Kinh phí phun tồn lưu (nhà ở, nhà rẫy), dân số bảo vệ bằng phun tồn lưu: 34.600 dân. Trong đó: 8 nhà/công (40 người/ công)	Công	865	177	153.105	746	132.042	541	95.757	379	67.083	261	46.197
II	Giám sát phun tồn lưu nhà rẫy, nhà ở				28.500		28.500		28.500		28.500		28.500
2.1	Phụ cấp ngày CB tỉnh 01 người x 150.000đ /ngày x 8 ngày/huyện x 5 điểm x 2 đợt	Ngày/đợt	2	150	12.000	2	12.000	2	12.000	2	12.000	2	12.000

STT	Nội dung hoạt động	Năm 2024				Năm 2025		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028	
		Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)	Số lượng	Thành tiền (ĐVT: ngàn đồng)
2.2	Tiền thuê phòng ngủ CB tỉnh 01 người x 150.000đ /đêm x 7 đêm/huyện x 5 điểm x 2 đợt	Ngày/đợt	2	150	10.500	2	10.500	2	10.500	2	10.500	2	10.500
2.3	Xăng xe dự kiến 1 cán bộ x 600km/xe x 1000đ/km* 5 điểm * 02 đợt	Km	600	1	6.000	600	6.000	600	6.000	600	6.000	600	6.000
III	Dự trù mua 220 lít hóa chất phòng chống Sốt Rét (Fedona 10SC) * 1.600.000/lít				352.000		320.000		240.000		160.000		112.000